

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-PT

Ngày 08/3/ 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Môn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Dạm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”..

Do bản án dân sự sơ thẩm số: /2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: K, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1940 (chết ngày 22/11/2021).

Địa chỉ: K2, thị trấn T huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn Hồng cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

2.1 Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A, khu dân cư T, ấp Bình T, xã ĐH, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.3 Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.4 Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: K01 đường N, phường HB, quận Liên Chiểu, tỉnh Đà Nẵng.

2.5 Chị Nguyễn Thị T (tên khác: T), sinh năm 1980.

Địa chỉ: K2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2.6 Chị Nguyễn Thị Quỳnh Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ qq, ấp L B, xã Long A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: K2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: K2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số tt, đường N, khóm M, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Chị Trương Thị Thúy Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: K2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số q, đường N, khóm M, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số s, đường N, phường YY, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.6 Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: K 2, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7 Chị Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường N, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khóm Tr2, thị trấn Thường T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.9 Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khóm H 2, phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

3.10 Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Ấp L, xã L2, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3.11 Ông Trần Tù T, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Khóm L2, phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3.12 Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Th, ông B, ông T, bà Ngọc T: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: K2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.13 Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm L 2, phường L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tạm trú: đường h, Phường h, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.14 Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số n, đường M, phường R, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.15 Anh Trần Thái H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: K2, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.16 Anh Trần Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số AA, đườngV, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.17 Chị Trần Mỹ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm R, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.18 Chị Trần Ngọc Ph, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.19 Chị Trần Ngọc V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.20 Anh Trần Bảo Ph, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm A, phường L, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông ngoại ông tên Trần Phùng t (đã chết) để lại cho mẹ ruột ông tên Trần Thị Á (chết năm 1995) và cậu ruột là Trần Văn L (chết năm 1995) nhưng không nhớ vào năm nào, diện tích 14.787m² có giấy tờ của chế độ cũ, đất tọa lạc thị trấn T, huyện Hồng Ngự.

Việc cụ Á, cụ L được ông ngoại ông cho đất không có làm giấy tờ nhưng có ông Lê Văn H, ông La Thanh S, ông Trần Văn L, ông Lê Văn G ở gần nhà ông biết nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Á, cụ L.

Cụ Trần Thị Á có 07 người con gồm 1. Đỗ Văn T; 2. Đỗ Thị N; 3. Đỗ Thị Ch; 4. Trần Văn Th (tên khác Đỗ Văn C); 5. Đỗ Văn Th; 6. Đỗ Văn H.

Cụ Trần Văn L có 03 người con gồm: 1. Trần Tòa T; 2. Trần Thanh H; 3. Trần Thị Ngọc T.

Vào năm 1955 thì cụ Á, cụ L cho cụ Nguyễn Văn Ch là cha ruột của ông H, ông Đ, bà T thuê phần đất có diện tích 06 công, trong đó đất ruộng 03 công, đất rẫy 01 công, đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm khoảng 02 công, thuê với giá lúc đầu từ 200 đồng đến 500 đồng đến năm 1975 giá thuê là 1.500 đồng; cụ Chiêu đóng tiền thuê đất từ năm 1955 đến năm 1975 thì không đóng tiền thuê đất nữa.

Từ năm 1975 đến năm 1981 do cụ Ch không đóng tiền thuê đất nên cụ L mới thừa đến Chính quyền địa phương giải quyết; kết quả giải quyết “ông Chiêu trả lại cho ông Lón 03 công ruộng, hơn 01 công rẫy, phần còn lại 02 công gồm 02 cái hầm (trong đó, có 01 cái hầm hiện đang tranh chấp, 01 cái hầm còn lại bà T đã lấp xây dựng nhà), đất trồng cây lâu và đất thổ cư thì chưa giải quyết xong”. Nghĩa là, chưa thuộc về ai nhưng sau đó cụ L không tiếp tục thừa kiện tiếp.

Đến năm 2010 anh ruột của ông tên Trần Văn Th(tên khác là Đỗ Văn C) kiện ông Đ đòi lại cái hầm đang tranh chấp, vì lúc đó ông Đ quản lý, sử dụng đất không phải đòi hết 02 công đất còn lại mà trước đó cụ Ch không đồng ý trả. Lúc đó Ủy ban nhân dân xã T hòa giải không thành nhưng ông Th không có khởi kiện tại Tòa.

Đến năm 2020 thì ông Đ, ông H kê khai phần đất hiện đang tranh chấp thì ông H khởi kiện tranh chấp cho đến nay. Ông H thừa nhận ngày 09/12/1981, Hội đồng hòa giải đã động viên bên cụ L giao 1 cái hầm, tức là phần đất hiện đang tranh chấp cho cụ Ch sử dụng nhưng gia đình cụ L (lúc đó ông H cũng có mặt tham gia hòa giải) không thống nhất nên không đồng ý ký tên vào biên bản. Do nguyên đơn, bị đơn không có ký tên nên biên bản hòa giải ngày 09/12/1981 của Hội đồng hòa giải Huyện không có giá trị pháp lý. Lý do, sau khi Hội đồng hòa giải Huyện giao phần đất tranh chấp cho gia đình cụ Ch sử dụng nhưng gia đình ông H không tiếp tục khiếu nại hay thừa kiện cụ Chiêu, cũng như con cụ Ch trả lại phần đất tranh chấp là do nghèo, không có tiền đi thừa kiện.

Phần đất còn lại 02 công mà cụ Ch quản lý, sử dụng không đồng ý trả lại cho cụ L gồm 01 cái hầm hiện đang tranh chấp, cái hầm còn lại thì bà T đã lấp lại xây dựng nhà, đất trồng cây lâu năm và đất thổ cư. Khi cụ Ch chết thì các con cụ Ch là ông Đ, ông H, bà T tiếp tục quản lý sử dụng đất như cất nhà và trồng cây. Không biết bà T lấp hầm để cất nhà khi nào, lúc bà T lấp hầm ông H đi làm xa, sau khi ông về thì biết được và ông có làm đơn khiếu nại, Chính quyền địa phương không giải quyết, ông cũng không khởi kiện ở Tòa án. Ông H có bán đất cho bà N không biết họ tên với giá 95.000.000 đồng, khi ông H bán đất cho bà Ng thì ông có nói với bà Ng đất tranh chấp chưa giải quyết thuộc về ai, phần đất còn lại hiện ông chưa khiếu nại hay thừa kiện bên gia đình ông Đ, bà T, ông H. Nếu ông kiện đòi được cái hầm hiện đang tranh chấp được thì ông sẽ tiếp tục thừa kiện phần đất còn lại. Khi ông Đ, ông H, bà T cất nhà cũng như trồng cây lâu năm ông không có ngăn cản hay thừa kiện gì. Vì nghĩ đất chưa giải quyết thuộc về ai nên bên ông Đ trồng cây, cất nhà ông không ngăn cản.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H (vì ông H đã chết) di dời cây trồng và tài sản trên đất (nếu có) trả lại cho ông phần đất giáp tỉnh lộ ĐT841 có diện tích 704,8m² theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 702,8m² thuộc một phần thửa đất 20, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn T, cho ông được đứng tên quyền sử dụng đất. Nếu ông thắng kiện thì phần đất tranh chấp thuộc về ông, nếu con cháu của anh em ông và con cháu của cụ L không ai có đất cất nhà thì ông cho họ cất nhà ở. Ông không đồng ý trả tiền thành quả lao động cho ông Đ, ông H, bà T cũng không thống nhất bồi thường cây trồng và tài sản khác trên đất nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị là con của bà Lê Thị M (chết năm 2013) và ông Nguyễn Văn H (đã chết vào ngày 22/11/2021). Nguồn gốc đất tranh chấp là ông nội chị tên Nguyễn Văn Ch thuê của cụ Trần Văn L vào năm 1952 diện tích bao nhiêu không biết, sau đó đào ao nuôi cá là phần đất đang tranh chấp có diện tích 749m², giá thuê, thời hạn thuê không biết; việc thuê đất không có làm giấy tờ có người biết là ông Năm B và ông Tư Y biết việc cụ Chiếu thuê đất nhưng hiện đã chết.

Vào năm 1952 cụ Chi, ông H, ông Đ thuê của gia đình cụ L nhưng lúc đầu là cây cối, cụ C dọn dẹp, khai phá, việc khai phá đất có chòm xóm đều biết ông Huỳnh Thanh Ph, bà Huỳnh Thị Thu N, bà Lê Thị Lệ Th. Hiện phần đất cụ Ch khai phá do ông H đang quản lý, sử dụng (đối diện bên kia đường của phần đất ao đang tranh chấp) là 03 ruộng, 1,5 công rẫy cụ Ch đã giao lại cho cụ L quản lý, sử dụng vào năm 1981 sau khi Hội đồng hòa giải Huyện giải quyết xong.

Năm 1981 thì cụ L có đưa đơn thừa cụ Ch tại Ban thanh tra huyện Hồng Ngự, nội dung xin lại 03 công đất ruộng và 1,5 công đất rẫy và 01 cái hầm (tức là cái ao hiện đang tranh chấp) với lý do con cháu cụ Lón không có đất để làm. Cụ Chiếu đồng ý trả lại cho cụ Lón 03 công đất ruộng và 1,5 công đất rẫy, theo hướng động viên nhường cơm sẻ áo còn cái ao đang tranh chấp thuộc về cụ Ch. Thời điểm đó cụ Chiếu có 05 người con gồm ông Nguyễn Văn Hg, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thái H, còn cụ L có bao nhiêu người con thì chị không biết, vì cụ L không có sinh sống ở cùng địa phương, cụ L sinh sống ở Long Sơn, An Giang.

Lý do cụ L không đòi lại đất ao cho thuê mà yêu cầu cụ Ch trả lại 03 công đất ruộng và 1,5 công đất rẫy mà gia đình cụ Chi khai phá là do cụ Ch và cụ L thỏa thuận cụ Ch lấy phần đất ao (cái hầm) đang tranh chấp và phần đất thổ cư không biết diện tích bao nhiêu của cụ L (tức phần đất phía ngoài sông) hiện có nhà của ông Đ, ông H, bà T, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn ÚE ; còn cụ Ch đưa (đổi, giao lại) cho cụ L phần đất phía trong đồng là 03 công đất ruộng và 1,5 công đất rẫy mà gia đình cụ Ch đã khai phá (cải tạo). Sau khi Thanh tra huyện giải quyết xong giữa cụ Lón và cụ Ch quản lý, sử dụng đất cho đến năm 2010 thì ông Trần Văn Th (tên khác là C) thừa ông H và ông Đ đòi lại phần đất ao là cái hầm hiện hai bên đang tranh chấp mà cụ L đã cho cụ Ch thuê, kết quả Ủy ban nhân dân thị trấn T động viên là giữ nguyên hiện trạng như Ban thanh tra giải quyết, nhường cơm sẻ áo; sau đó ông Th không tiếp tục thừa.

Đến năm 2020 thì ông H tiếp tục thừa ông H, ông Đ kết quả Ủy ban thị trấn cũng động viên giữ y hiện trạng và nếu bên ông H có khó khăn thì động viên bên gia đình ông Đ, ông H hỗ trợ một phần. Ông H không đồng ý quyết định đi thừa tiếp.

Phần đất hiện hai bên đang tranh chấp có cây trồng của ông Đ gồm 04 cây me tây, 02 cây trâm, chuối, dừa, chòi mòi, còn cây trồng của ông H gồm bụi tre. Cá trong ao do ông Đ nuôi gồm cá tra, cá trê không biết số lượng cá bao nhiêu. Ông Đ, ông H trồng cây khi nào không biết, còn ao nuôi cá thì có từ năm 1952 đã đào ao nuôi cá đến nay. Bà T không có quản lý, sử dụng đất tranh chấp, chỉ có ông H, ông Đ quản lý, sử dụng. Bà T không có trồng cây gì trên đất tranh chấp. Tại phiên tòa chị T thừa nhận 02 cây me tây phía dưới, chuối và trâm là của bà T.

Phần đất tranh chấp là cụ Ch để lại cho ông Đ, ông H, bà T. Nay ông Đỗ Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H trả lại phần đất ao có diện tích 702,8m² thuộc một thửa đất 20, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại khóm T2, thị trấn T thì chị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H; chị không có tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đang tranh chấp cũng như cây trồng trên đất. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận và phần đất đang tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị yêu cầu cấp giấy cho ông Đ, bà T và các con của ông H được đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác.

**** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Quỳnh Th, trình bày:***

Chị là con ruột ông H, em ruột chị T chị thống nhất theo lời trình bày của chị Tu, không bổ sung gì thêm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, trình bày:***

Ông là con của cụ Nguyễn Văn Ch, em ruột của ông Nguyễn Văn H, anh ruột bà Nguyễn Thị T, không có quan hệ bà con với ông Đỗ Văn H. Ông đã nghe lời trình bày của chị Nguyễn Thị T, ông thống nhất theo lời trình bày của chị T, không bổ sung gì thêm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L, trình bày:***

Bà là vợ ông Nguyễn Văn Đ, con dâu cụ Nguyễn Văn Ch(đã chết 1988. Bà đã nghe lời trình bày của chị Nguyễn Thị T, bà thống nhất theo lời trình bày của chị T. Thống nhất như biên bản năm 1981, giữ nguyên biên bản trước đây. Cá nuôi trong ao không nhớ là loại cá gì, số lượng cá và giá trị giá bao nhiêu tiền; bà không khiếu nại việc định giá tài sản tranh chấp.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, trình bày:***

Bà là em ruột của ông H và ông Đ. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ L ngày xưa, không biết diện tích cụ thể bao nhiêu, chỉ biết chiều ngang 30m, chiều dài từ mí sông đến mí ruộng (sổ sông). Chỉ biết trước năm 1954 thì ông nội của bà tên Nguyễn Văn Ch thuê đất của cụ L, không biết giá thuê đất, diện tích đất thuê nhưng gồm có đất ruộng, đất rẫy và đất ở. Đến năm 1954 thì ông nội của bà chết nên cha của bà là cụ Nguyễn Văn Ch tiếp tục thuê đất của gia đình cụ L, bà nhớ mỗi năm cụ Ch trả tiền thuê đất nếu không có tiền thì cụ L lấy lúa trừ tiền thuê đất. Lúc đó đất của cụ L không có ai sử dụng, toàn là rừng và cây cối nên gia đình của bà mới vào dọn dẹp, khai phá để sử dụng.

Đến năm 1982 cụ L thừa cụ Ch đến Ban thanh tra huyện Hồng Ngự để lấy lại phần đất đã cho thuê, bà nhớ kết quả giải quyết thì đất ruộng, đất rẫy trả lại cho cụ L (nhường com sẽ áo) là phần đất từ mặt lộ chạy vô đồng bà không nhớ diện tích cụ thể bao nhiêu, phần đất còn lại từ mặt lộ chạy ra sông cũng không biết diện tích cụ thể bao nhiêu, chỉ biết chiều ngang 30m thì thuộc về bên cụ Ch. Trong đó, có phần đất hiện đang tranh chấp là cái hầm. Thanh tra huyện đã giải quyết dứt điểm, không phải thời điểm đó do gia đình bà đang nuôi cá, tạm thời Ban thanh tra không giải quyết hoặc cụ L tạm thời không thừa kiện đòi lại.

Năm 1988 cụ Ch chết thì phần đất hiện đang tranh chấp để lại cho bà, ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng đất. Ngoài ra, không có người con nào khác của cụ Ch quản lý, sử dụng. Hiện phần đất tranh chấp bà không biết diện tích cụ thể bao nhiêu, không biết số thửa đất, tờ bản đồ, chỉ biết là một cái ao giáp đường ĐT 841, phía dưới giáp đất ông sáu S hiện do bà Phan Thị Gi quản lý, phía trên giáp bà Th hiện do bà L quản lý, sử dụng.

Từ khi Ban thanh tra huyện giải quyết tranh chấp giữa cụ L với cụ Ch thì hai bên sử dụng đất cho đến năm 2010 thì ông Trần Văn Th, nói là cháu của cụ L, không biết quan hệ bà con như thế nào với ông H thừa ông Đ, ông H đòi lại phần đất hiện đang tranh chấp là cái ao, không có thừa đòi phần đất thổ cư (đất cất nhà ở). Xã hòa giải nói ông Th không chứng cứ gì để lấy lại đất nên ông Th không kiện nữa, sau đó thì ông H khởi kiện anh em bà ra Tòa án cho đến nay.

Vào khoảng năm 1990-1991 thì trên đất tranh chấp (thành ao) thì bà có trồng chuối, me tây, không biết số lượng bao nhiêu; còn ông Đ trồng 02 cây me tây, 04 cây dứa; ông H trồng 02 bụi tre, 02 cây me tây cặp lộ và khoảng 05-06 cây trâm. Cái ao đang tranh chấp thì vào năm 1963-1964 thì do cụ Ch đào để nuôi cá, hiện do ông Đ thả cá nuôi, khi đào ao nuôi cá cũng như khi gia đình bà trồng cây thì không có ai tranh chấp, ngăn cản. Tại phiên tòa, bà T trình bày cây trồng trên đất tranh chấp của bà gồm cây Trâm, Chuối không rõ số lượng và 02 cây Me tây phía dưới.

Nay ông Đỗ Văn H yêu cầu bà, ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn H trả lại phần đất ao có diện tích 702,8m² thuộc một phần thửa đất 20 tờ bản đồ 15 tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, là cái ao hiện đang tranh chấp thì bà không chấp nhận yêu cầu của ông H, vì trước đây Thanh tra huyện đã giải quyết xong, cái ao thuộc về gia đình bà. Phần đất hiện đang tranh chấp không có yêu cầu chia thừa kế, cũng không tranh chấp cây trồng trên đất. Bà T yêu cầu bà T, ông Đ và các con ông H được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H thì các cây trồng của bà như cây Trâm, Chuối và 02 cây me tây của bà có trên đất thì yêu cầu ông H bồi thường giá trị là 50.000.000 đồng, yêu cầu ông H bồi thường thành quả lao động cho ông Đ, ông H và bà là 01 tỷ đồng, riêng phần của bà là 300.000.000 đồng. Việc Hội đồng định giá tài sản ngày 08/12/2021 thì bà không có khiếu nại hay có ý kiến gì. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Chí Th, trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp là ông ngoại anh có thuê của cụ L, có trả tiền thuê đất đầy đủ, cụ L có thừa ông ngoại anh, hai bên có ra Hội đồng hòa giải, đã giải quyết xong do Ban thanh tra Huyện chủ trì, đã thống nhất với nhau đến nay đã hơn 41 năm. Theo biên bản giải quyết năm 1981 có nội dung “Trước đây giải quyết của xã ông C đồng ý trả lại 3 công đất ruộng, xin lại hơn 1 công đất rẫy. Ông L đòi lại toàn bộ 3 công đất ruộng và hơn 1 công đất rẫy và 1 cái hầm. Sau khi phân tích của Hội đồng và động viên trên tinh thần đoàn kết, chia cơm xẻ áo với nhau bằng cách: Bên phía ông Ch trả lại cho 3 công đất ruộng và hơn 1 công đất rẫy cho ông L canh tác. Về phía ông Ch được hưởng 1 cái hầm và nền nhà đang ở, số huê lợi trên mặt đất ông trồng thì ông được hưởng. Riêng cái hầm còn lại của người em ruột của ông Ch sẽ nghiên cứu giải quyết sau. Ông Ch bằng lòng cam kết có đào thêm 1 cái hầm bề ngang 4m dài 5m, nếu Nhà nước cần thì sẽ lấp lại ngay. Qua phân tích và đóng góp của Hội đồng hòa giải Huyện 2 bên đều thống nhất theo ý kiến của Hội đồng và thực hiện theo như trên”. Như vậy, ông H đòi lại cái hầm nào, cái hầm của cụ Ch là của ông ngoại anh hay cái hầm của em ông ngoại anh hay đòi lại học đất, đất thổ cư của ông ngoại anh mà ông Đ, ông H và bà T đã cất nhà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, trình bày:***

Ông là chồng bà Nguyễn Thị T, ông thống nhất theo lời trình bày của bà T, nguồn gốc đất là bên gia đình bà T nên ông không có ý kiến gì, cũng không tranh chấp đối với cây trồng trên đất.

**** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ph, trình bày:***

Anh là con ruột của ông Nguyễn Văn H. Nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của ông nội anh tên Nguyễn Văn Ch để lại vào 1957, không nhớ diện tích bao nhiêu, phần đất hiện đang tranh chấp cho ông H, ông Đ. Sau khi cụ Ch để đất lại thì ông Đ, ông H trồng cây, nuôi cá. Khi ông H trồng cây, nuôi cá không có ai tranh chấp, ngăn cản. Trước đây, không nhớ năm thì cụ L có thừa cụ Ch đòi lại một phần đất, không nhớ việc tranh chấp hai bên kết quả giải quyết thế nào. Phần đất hiện đang tranh chấp mà cụ Ch để lại cho ông H, ông Đ là của bên ông bà để lại, không phải của ông bà ông H để lại.

Anh không tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất hiện đang tranh chấp, nếu bên ông Đ và các con ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh không có ý kiến về việc ai được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

tùy Tòa án quyết định. Anh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn nên yêu cầu được vắng mặt.

*** Người làm chứng bà Phan Thị Gi trình bày:**

Bà không có bà con với ông H, ông H nhưng có bà con với ông Đ, nhà bà giáp ranh với cái ao đang tranh chấp, không có mâu thuẫn gì với các bên. Bà về đây sinh sống vào năm 1985 bà biết nguồn gốc cái ao là của ông Đ (ông ngoại ông H), cha chồng bà còn sống kể phần đất này ông Đ để lại cho mẹ ông H (không rõ họ tên). Không nhớ thời gian, gia đình ông H cho cha ông Đ là ông Ba Ch thuê nhưng không rõ diện tích, không rõ thuê đất ruộng hay đất ao hằm. Từ khi bà về đây sống thì không thấy hai bên tranh chấp phần đất này còn trước kia có tranh chấp hay không thì bà không biết. Cây trên đất là do ông Đ trồng, ao cũng do ông Đ nuôi cá. Ông H từng cho bà xem một tờ giấy thể hiện năm 1981 phần đất ao này đã được giải quyết rồi nhưng cụ thể như thế nào bà không rõ. Khi bà về đây sống phần đất đã được đào ao, ao do ông Đ đào và trồng cây rồi. Bà không thấy bên ông H sử dụng đất. Còn chuyện phía gia đình ông H trước kia cho ông Ch thuê đất thì giá cả, thời hạn thuê như thế nào bà đều không rõ.

Bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 144, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 24 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 203; Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn H, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T, chị

Nguyễn Thị Quỳnh Th di dời cây trồng và tài sản trên đất (nếu có) trả lại cho ông H phần đất có diện tích 702,8m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại khóm T 2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Thm, chị Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Quỳnh Th được sử dụng phần đất có diện tích 702,8m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Thm, chị Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Quỳnh Th được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2021 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đỗ Văn H chịu 3.640.000 đồng, ông H đã tạm ứng và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn H được miễn tiền án phí theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hòa,

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà T, bà L, chị T, chị H có mặt. Các đương sự có mặt khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

- Ông H trình bày: ông H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là trả 702,8m² đất ao; lý do đất bỏ hoang không người sử dụng.

- Bà T, bà L, chị T, chị H trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của ông H. Thống nhất đề nghị giữ nguyên bản án Tòa án huyện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án không chấp nhận kháng cáo của ông Hòa; đề nghị giữ nguyên bản án sơ

thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thành phần những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thì các đương sự thống nhất không có ai có yêu cầu bổ sung hay khiếu nại.

[2] Đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Thm, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Quỳnh Th di dời cây trồng và tài sản trên đất (nếu có) trả lại cho ông H phần đất diện tích 702,8m² trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 thuộc một phần thửa đất số 20 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn T, huyện Hồng Ngự.

Tòa án cấp sơ thẩm xét: Về nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thống nhất là của cụ Trần Phùng Đ để lại cho cụ Trần Văn L và cụ Trần Thị Á là cậu và mẹ ruột của ông Đỗ Văn H.

[2.1] Theo ông H cho rằng vào năm 1955 thì cụ L, cụ Á cho cụ Nguyễn Văn Ch là cha của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T thuê phần đất có diện tích 06 công (6.000m²) đất, trong đó đất ruộng 03 công (3.000m²), đất rẫy 01 công (1.000m²) đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm khoảng 02 công (2.000m²), việc cho thuê đất không có làm giấy tờ.

Gia đình cụ Ch đóng tiền thuê đất cho đến năm 1975 thì không còn đóng nữa. Do cụ Ch không đóng tiền thuê đất nên vào năm 1981 cụ L thừa cụ Ch đến Ủy ban nhân dân xã Thường T, kết quả giải quyết cụ Ch trả lại cho cụ 03 công ruộng, hơn 01 công rẫy. Phần còn lại khoảng 02 công gồm đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm và 02 cái hầm (ao), trong đó có 01 cái ao hiện là phần đất hai bên đang tranh chấp, 01 cái ao bà T san lấp xây dựng nhà thì chưa giải quyết xong.

[2.2] Chị T, bà T, bà L, ông Đ đều cho rằng: Vào năm 1981 thì việc tranh chấp đất giữa cụ L với cụ Ch đã được giải quyết xong, cụ thể: Cụ L được sử dụng 03 công ruộng, hơn 01 công rẫy; cụ Ch được sử dụng 02 công đất gồm có 02 cái ao, đất trồng cây lâu năm và đất ở, trong đó có 01 cái hầm (ao) hiện là phần đất hai bên đang tranh chấp.

[2.3] Theo biên bản tiếp xúc của Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 14/12/2020 ông H, trình bày: “Ngày 25/11/1981 Ban thanh tra nhân dân huyện có công văn hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã thực hiện như sau: Tạm thời giao cho ông L sử dụng 4,5 công đất vụ Đông Xuân năm 1981-1982. Riêng 02 cái hầm hiện ông Ch đang sử dụng nuôi cá vẫn tạm thời giao cho ông Ch sử dụng chờ khi giải quyết dứt điểm về ai. Đến ngày 09/12/1981 Ban thanh tra huyện tổ chức hòa giải, giải quyết nhưng gia đình tôi không thống nhất nhường com sẽ áo và không ký tên vào biên bản”.

Ông H cũng thừa nhận ngày 09/12/1981 ông H có mặt tham gia hòa giải nhưng bên gia đình ông H không thống nhất nhường com sẽ áo; nghĩa là không đồng ý giao phần đất hiện đang tranh chấp cho gia đình cụ Ch nên không đồng ý ký tên vào biên bản; nhưng sau khi Hội đồng hòa giải Huyện giao phần đất tranh chấp cho gia đình cụ Ch thì ông H không có khiếu nại hay có ý kiến gì.

Điều này cho thấy, phần đất tranh chấp có diện tích 702,8m² thuộc một phần thửa đất 20, tờ bản đồ 15 đất tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn T đã được Hội đồng hòa giải Huyện giải quyết xong, cụ thể giao cho gia đình cụ Ch quản lý, sử dụng. Tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai quy định “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

[3] Xét về quá trình sử dụng đất mặc dù nguồn gốc đất là của cụ L, cụ Á để lại nhưng gia đình ông H không có sử dụng đất mà gia đình cụ Ch cũng như các con cụ Ch là ông Đ, ông H, bà T đã sử dụng đất từ năm 1955 cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất thì cụ Ch đã đào ao nuôi cá, ông Đ, ông H, bà T trồng cây trên đất tranh chấp; ông H biết việc này nhưng không tranh chấp hay ngăn cản. Điều này, cho thấy gia đình ông H đã không có nhu cầu sử dụng đất.

[4] Ông H cho rằng phần đất tranh chấp là của cụ Á, cụ L để lại cho ông nhưng gia đình ông H cũng không có kê khai đăng ký để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho đến năm 2021 khi biết gia đình ông H đăng ký kê khai phần đất hiện đang tranh chấp thì ông H mới khởi kiện yêu cầu trả lại đất.

[5] Thời gian sử dụng đất của gia đình ông Đ, ông H, bà T đến nay đã trên 30 năm. Theo công văn số 1804/UBND-HC ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung: “Ngày 30/9/2020 hộ ông

Nguyễn Văn H, sinh năm 1940.....có kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 16/10/2020 tiến hành khảo sát hiện trạng thì chủ sử dụng đất chưa xác định được vị trí ranh giới, mốc giới thửa đất với các chủ sử dụng đất liền kề, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự đã trả lại hồ sơ theo quy định”.

Như vậy, cả thời gian dài gia đình cụ Ch quản lý, sử dụng đất như đào ao, trồng cây gia đình ông H biết nhưng không có ý kiến gì. Năm 2010 anh ruột của ông H là ông Trần Văn Th (tên khác Đỗ Văn C) có thừa ông Đ, ông H tại Ủy ban nhân dân thị trấn T không thành nhưng sau đó gia đình ông H cũng không tranh chấp gì.

Đến năm 2021 ông H mới khởi kiện tranh chấp. Theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 247 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đều quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu như sau: “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu”.

[6] Do đó xét yêu cầu ông H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Ông Đ, bà T, chị Th, chị Th, anh Ph, anh Th, chị T, chị Th không tranh chấp cây trồng trên đất cũng như yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất hiện đang tranh chấp nên không đề cập đến.

[8] Sau khi xét xử sơ thẩm ông H không đồng ý kháng cáo bản án. Về nội dung khởi kiện ông H yêu cầu nêu ra xét thấy đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật; ông H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận cụ L không còn ở, quản lý đất tranh chấp từ trước những năm 1981 đến nay. Năm 1981 sau khi được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết trả lại 01 phần đất 03 công đất ruộng và hơn 01 công đất rẫy thì từ năm 1982 đã nhận đất sử dụng và không có tranh chấp với cụ Ch cũng như các con cháu cụ Ch là ông H, ông Đ, ông T đến khi chết là năm 1995.

Năm 2010 ông Th (C) là anh ông H cũng có tranh chấp nhưng ý kiến không được chấp nhận, các bên không thỏa thuận được với nhau nhưng không có khiếu nại, tranh chấp gì tiếp tục. Ông H cũng biết sự việc nhưng không có ý kiến gì. Năm 2018 ông Th (C) chết; đến năm 2020 ông H mới phát sinh tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ sau năm 1981 thì việc tranh chấp đất giữa cụ L với cụ Ch đã được giải quyết xong. Cụ L, cụ Á không còn phát sinh tranh chấp đất; phần đất này gia đình các bị đơn

sử dụng ổn định từ năm 1981 đến nay. Ông H cũng không có giấy tờ gì được cụ L, cụ Á cho phân đất tranh chấp.

Từ nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn H, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Thm, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Quỳnh Th di dời cây trồng và tài sản trên đất (nếu có) trả lại cho ông Hòa phần đất có diện tích 702,8m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Quỳnh Th được sử dụng phần đất có diện tích 702,8m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại khóm Trung 2, thị trấn T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và các con của ông Nguyễn Văn H gồm chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Th, chị

Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Quỳnh Th được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2021 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 28/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đỗ Văn H chịu 3.640.000 đồng; ông H đã tạm ứng và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn H được miễn tiền án phí theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Chí Tâm